

Họ và tên:

Lớp:

TOÁN 2 – ÔN LUYỆN BẢNG CỘNG/ TRỪ TRONG PHẠM VI 20

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Phép tính nào dưới đây có kết quả bé nhất?

- A. $7 + 9$ B. $2 + 9$ C. $8 + 7$ D. $16 - 7$

Câu 2. Số 95 được viết thành tổng nào dưới đây?

- A. $50 + 9$ B. $80 + 15$ C. $90 + 5$ D. $9 + 5$

Câu 3. Tìm số thích hợp điền vào ô trống: $3 + \square = 57 - 42$.

- A. 99 B. 12 C. 18 D. 15

Câu 4. Phép tính nào dưới đây có kết quả bé nhất?

- A. $13 - 4$ B. $14 - 7$ C. $11 - 7$ D. $12 - 9$

Phần II. Tự luận

Bài 1. Tính:

- a) $17 + 62 = \dots$ b) $13 + 54 = \dots$ c) $88 + 8 = \dots$ d) $33 + 22 = \dots$

Bài 2. Nối mỗi phép tính với kết quả đúng.



Bài 3. Điền dấu ($>$, $<$, $=$) thích hợp vào chỗ chấm:

- a) $14 - 9 \dots 5$ b) $12 - 7 \dots 2$ c) $11 - 7 \dots 8$ d) $12 - 7 \dots 5$
e) $15 - 6 \dots 9$ f) $12 - 8 \dots 3$ g) $17 - 9 \dots 4$ h) $11 - 6 \dots 2$

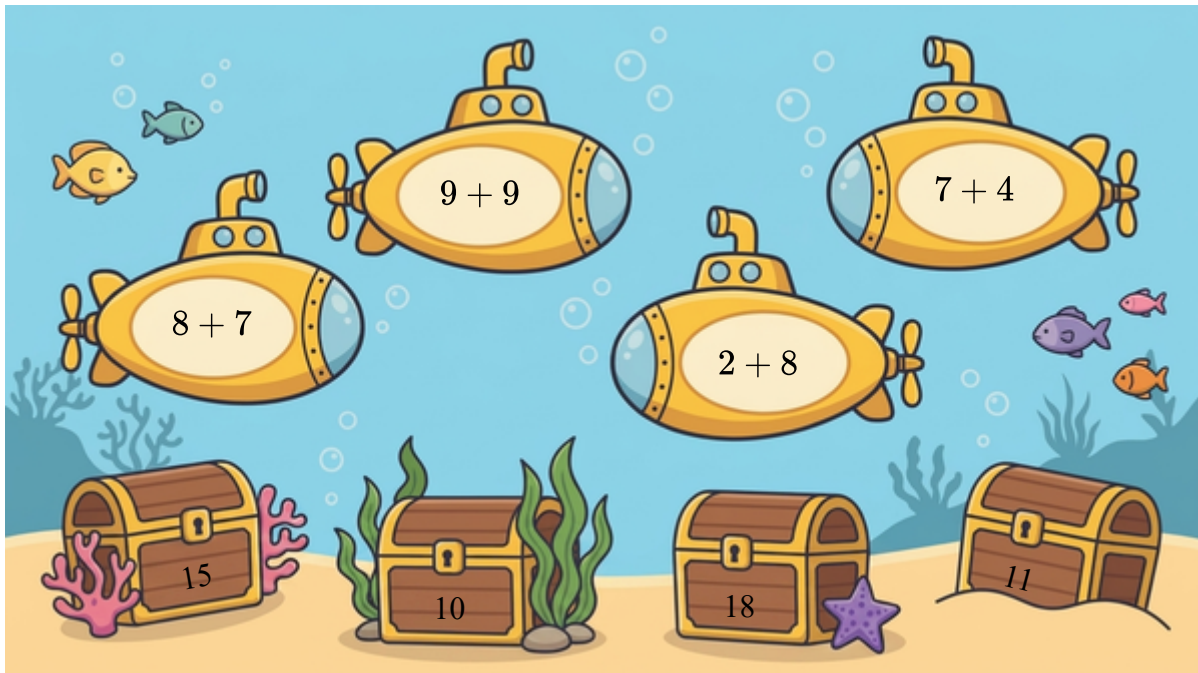
Bài 4. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào ô trống.

- a) $16 - 7 \dots 13 - 9$ b) $20 - 9 \dots 5 + 6$ c) $9 + 2 \dots 7 + 7$ d) $11 - 7 \dots 12 - 9$

Bài 5. Điền dấu ($>$, $<$, $=$) thích hợp vào chỗ chấm:

- a) $15 - 9 \dots 17 - 9$ b) $13 - 4 \dots 15 - 6$ c) $12 - 9 \dots 12 - 4$ d) $11 - 5 \dots 11 - 4$

Bài 6. Nối mỗi phép tính với kết quả đúng.



Bài 7. Tính nhẩm:

- | | | | |
|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| a) $15 - 6 = \dots$ | b) $11 - 3 = \dots$ | c) $13 - 7 = \dots$ | d) $11 - 7 = \dots$ |
| e) $14 - 9 = \dots$ | f) $13 - 5 = \dots$ | g) $12 - 3 = \dots$ | h) $13 - 9 = \dots$ |

Bài 8. Tính nhẩm.

- | | | | |
|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| a) $12 - 9 = \dots$ | b) $18 - 9 = \dots$ | c) $15 - 7 = \dots$ | d) $16 - 9 = \dots$ |
| e) $17 - 8 = \dots$ | f) $17 - 9 = \dots$ | g) $15 - 8 = \dots$ | h) $16 - 7 = \dots$ |

Bài 9. An có 13 cái kẹo. Bình có 5 cái kẹo. Hỏi Bình có ít hơn An bao nhiêu cái kẹo?

Bài giải

.....

.....

.....

---HẾT---